

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030” tỉnh Quảng Bình

(Kèm theo Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh)

Thực hiện Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp” (sau đây gọi tắt là Đề án); Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp” ban hành kèm theo Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện Đề án phải thực hiện nghiêm túc, thiết thực và hiệu quả; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội; giải pháp thực hiện phải bảo đảm tính khả thi và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, xác định phát triển nhà ở xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Các cấp, các ngành trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được phân công đề cao trách nhiệm, triển khai thực hiện Kế hoạch có hiệu quả.

- Trong quá trình triển khai thực hiện phải bám sát quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án, Chương trình kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh đã được phê duyệt; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, kịp thời khắc phục khó khăn, vướng mắc, đảm bảo việc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ đạt hiệu quả, chất lượng và đúng tiến độ Kế hoạch đề ra.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội

Phấn đấu thực hiện hoàn thành chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội được giao tại Đề án:

- Giai đoạn 2023-2025: Hoàn thành 3.700 căn nhà ở xã hội;

- Giai đoạn 2026-2030: Hoàn thành 11.300 căn nhà ở xã hội;
Tổng 2 giai đoạn (2023-2030): Hoàn thành 15.000 căn nhà ở xã hội.

2. Danh mục các dự án nhà ở xã hội dự kiến triển khai

2.1. Giai đoạn 2023-2025:

Dự kiến thực hiện 8 dự án, trong đó có 3 dự án đã có chấp thuận chủ trương đầu tư, 5 dự án đã có nhà đầu tư quan tâm đề xuất. Tổng số căn hộ của 8 dự án là: 4210 căn. Khả năng thực hiện hoàn thành 3700/4210 căn (đạt khoảng 90% tổng số căn của các dự án).

Trong đó:

- Nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp: Triển khai thực hiện 4 dự án; diện tích đất sử dụng 14 ha; với tổng số 2.494 căn hộ; tổng mức đầu tư: 1.297 tỷ đồng;

- Nhà ở xã hội cho công nhân khu công nghiệp: Triển khai thực hiện 4 dự án; diện tích đất sử dụng 23 ha; với tổng số 1.716 căn hộ; tổng mức đầu tư: 892 tỷ đồng;
(Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo).

2.2. Giai đoạn 2026-2030:

Dự kiến thực hiện 39 dự án, trong đó có 33 dự án đã quy hoạch bố trí quỹ đất; quy hoạch bố trí mới 6 vị trí thực hiện dự án. Tổng số căn hộ của 39 dự án là: 13.709 căn. Khả năng thực hiện hoàn thành 11.300/13.709 căn (đạt khoảng 85% tổng số căn của các dự án).

Trong đó:

- Nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp: Triển khai thực hiện 31 dự án và quy hoạch mới, bố trí 6 khu vực phát triển nhà ở xã hội; diện tích đất sử dụng 70 ha; với tổng số 10.218 căn hộ; tổng mức đầu tư: 5.313 tỷ đồng;

- Nhà ở xã hội cho công nhân khu công nghiệp: Triển khai thực hiện 2 dự án; diện tích đất sử dụng 36 ha; với tổng số 3.491 căn hộ; tổng mức đầu tư: 1.815 tỷ đồng; (Chi tiết có Phụ lục 02 kèm theo).

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Rà soát quy hoạch, bố trí diện tích đất phát triển nhà ở xã hội

Khi lập, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn, quy hoạch phát triển khu công nghiệp, khu nghiên cứu đào tạo (nếu có) phải xác định rõ diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội; đảm bảo quỹ đất dành để phát triển nhà ở xã hội phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh theo từng thời kỳ; coi chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội là một chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của tỉnh.

Trên cơ sở chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, để tính toán xác định nhu cầu về đất đai; rà soát quỹ đất phát triển nhà ở xã hội đã quy hoạch, quỹ đất 20% dành để xây dựng nhà ở xã hội trong các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị để xem xét, bố trí lại cho phù hợp theo từng địa phương.



2. Tổng hợp danh mục dự án kêu gọi đầu tư

Trên cơ sở quỹ đất quy hoạch, bố trí để phát triển nhà ở xã hội đã được rà soát (tại mục III.1), lập danh mục dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để kêu gọi đầu tư (công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng lên trang điện tử của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư).

3. Ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng nhà ở xã hội

Nghiên cứu các quy định về ưu đãi đầu tư đối với nhà ở xã hội, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành chính sách đặc thù của tỉnh về ưu đãi đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo hướng ưu đãi tối đa theo quy định, nhằm thu hút đầu tư; tiến hành công bố rộng rãi các chính sách đó, đồng thời lồng ghép trong các chương trình, hội nghị xúc tiến đầu tư.

4. Bố trí nguồn vốn nhà nước để hỗ trợ đầu tư phát triển nhà ở xã hội

4.1. Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2023-2025: Kêu gọi, khuyến khích các nhà đầu tư thực hiện dự án chủ động nguồn vốn để triển khai, huy động các nguồn vốn hỗ trợ khác.

4.2. Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2026-2030:

4.2.1. Xác định việc đầu tư phát triển nhà ở xã hội cho người lao động có thu nhập thấp là một hạng mục đầu tư trong nguồn vốn trung - dài hạn của địa phương để phát triển hạ tầng cho phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công (đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất sạch). Nghiên cứu việc huy động vốn từ quỹ đầu tư phát triển của địa phương để phát triển nhà ở xã hội.

4.2.2. Nghiên cứu trích một phần tiền sử dụng đất của các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị trên địa bàn để bổ sung vào khoản mục riêng trong ngân sách của địa phương, dành để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong, ngoài hàng rào dự án và hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn; nghiên cứu tham mưu chuyển nguồn vốn nhà nước sang ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay ưu đãi về nhà ở xã hội theo quy định của Chính phủ.

5. Về kế hoạch sử dụng đất phát triển nhà ở xã hội

Trên cơ sở nhu cầu về quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện làm căn cứ thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất thực hiện dự án nhà ở xã hội.

6. Đẩy nhanh thủ tục đầu tư các dự án nhà ở xã hội

Đối với các dự án nhà ở xã hội đã có nhà đầu tư quan tâm, đề xuất, thì triển khai các thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư đảm bảo quy định của pháp luật. Trường hợp có vướng mắc phải tập trung giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết, để đẩy nhanh thực hiện các thủ tục đầu tư.

Về lâu dài, tham mưu cải cách thủ tục hành chính về lựa chọn chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo hướng đơn giản hóa.

7. Về tín dụng

7.1. Lập danh mục các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân (nhà ở xã hội tại khu công nghiệp) để công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, để các ngân hàng có cơ sở áp dụng cho vay đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo Chương trình tín dụng 1200 tỷ (theo Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ).

7.2. Triển khai chương trình cho vay ưu đãi đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội theo quy định của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 và gói hỗ trợ khách hàng cá nhân vay mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại Nghị quyết số 11/NQ-CP.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với các sở ngành tham mưu thực hiện các nhiệm vụ tại mục III.1, III.3, III.4.1, III.7.1 của Kế hoạch. Định kỳ hàng năm, giữa kỳ, cuối kỳ (hoặc đột xuất theo yêu cầu), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng kết quả thực hiện Đề án.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các sở ngành tham mưu thực hiện các nhiệm vụ tại mục III.2, III.4.2.1, III.6 của Kế hoạch.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các sở ngành tham mưu thực hiện các nhiệm vụ tại mục III.4.2.2 của Kế hoạch.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các sở ngành tham mưu thực hiện các nhiệm vụ tại mục III.5 của Kế hoạch.

5. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh: Tham mưu thực hiện nhiệm vụ tại mục III.7.2 của Kế hoạch.

6. Ban quản lý Khu kinh tế:

- Phối hợp tham mưu thực hiện nhiệm vụ tại mục III.6 của Kế hoạch này đối với các dự án nhà ở xã hội thuộc địa bàn quản lý tại các Khu công nghiệp, Khu kinh tế.

- Phối hợp với các Sở, UBND các huyện để rà soát, bổ sung quy hoạch vị trí phát triển nhà ở vào chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; chương trình, kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

7. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Phối hợp với Sở Xây dựng để rà soát, bổ sung quy hoạch vị trí phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn.

- Kịp thời bổ sung các dự án nhà ở xã hội vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

- Tăng cường và ưu tiên chỉ đạo trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.



Phụ lục 01**Danh mục các dự án phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2023-2025***(Kèm theo Quyết định số: 1777/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh)*

| TT | Tên dự án | Vị trí | Số căn hộ hoàn thành | Diện tích sử dụng đất (ha) | Tổng mức đầu tư (tỷ đồng) |
|----------------------------|---|---|----------------------|----------------------------|---------------------------|
| GIAI ĐOẠN 2023-2025 | | | 4.210 | 37 | 2.189 |
| I | Khu vực Đồng Hới | | 2.494 | 14 | 1.297 |
| 1 | Khu nhà ở xã hội Lộc Ninh | Xã Lộc Ninh-Đồng Hới | 691 | 9,6 | 359 |
| 2 | Nhà ở xã hội Lộc Ninh 1 | Xã Lộc Ninh-Đồng Hới (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu nhà ở thương mại phía Tây Nam đường Lý Thánh Tông, đoạn từ đường F325 đến đường Trương Phúc Phần) | 220 | 1,0 | 114 |
| 3 | Nhà ở xã hội Bảo Ninh 1 | Xã Bảo Ninh-Đồng Hới (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu đô thị Bảo Ninh 1) | 424 | 1,9 | 220 |
| 4 | Nhà ở xã hội Bảo Ninh 2 | Xã Bảo Ninh-Đồng Hới (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2) | 1159 | 1,8 | 603 |
| II | Các khu Công nghiệp | | 1.716 | 23 | 892 |
| 5 | Khu nhà ở phục vụ cán bộ công nhân Hòn La Suites& Residence | Thôn Thọ Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. | 346 | 1,4 | 180 |
| 6 | Nhà ở phục vụ cán bộ công nhân tại Khu kinh tế Hòn La | Khu kinh tế Hòn La, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình | 292 | 1,5 | 152 |
| 7 | Khu nhà ở xã hội Khu công nghiệp Cam Liên (gđoạn 1) | Xã Ngư Thủy Bắc, Cam Thủy - huyện Lệ Thủy | 712 | 4,2 | 370 |
| 8 | Khu nhà ở xã hội Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới (giai đoạn 1) | Phường Bắc lý, TP Đồng Hới | 366 | 15,9 | 190 |

Ghi chú: Tại Phụ lục 01: - Các dự án có thứ tự 1, 5, 6 đã có chấp thuận chủ trương đầu tư; các dự án có thứ tự 2, 3, 4, 7, 8 đã có nhà đầu tư quan tâm đề xuất thực hiện dự án. Tổng số căn hộ của 8 dự án là: 4210 căn. Khả năng thực hiện hoàn thành 3700/4210 căn (đạt khoảng 90% tổng số căn của các dự án).

Phụ lục 02**Danh mục các dự án và quy hoạch phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2026-2030***(Kèm theo Quyết định số: 1773/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh)*

| TT | Tên dự án | Vị trí | Số căn hộ hoàn thành | Diện tích sử dụng đất (ha) | Tổng mức đầu tư (tỷ đồng) |
|----------------------------|---|--|----------------------|----------------------------|---------------------------|
| GIAI ĐOẠN 2026-2030 | | | 13.709 | 106 | 7.129 |
| I | Khu vực Đồng Hới | | 7.203 | 43 | 3.745 |
| 1 | Nhà ở xã hội Nam Cầu Dài | Phường Phú Hải-Đồng Hới (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu đô thị Nam Cầu Dài) | 671 | 3,0 | 349 |
| 2 | Nhà ở xã hội Tây Hữu Nghị | Phường Nam Lý-Đồng Hới (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Tổ hợp thương mại DV và nhà ở Đồng Hới (ĐH complex) | 311 | 0,5 | 162 |
| 3 | Nhà ở xã hội Tây Bắc Lê Lợi | Phường Đức Ninh Đông-Đồng Hới (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu nhà ở thương mại phía Tây Bắc đường Lê Lợi) | 180 | 0,8 | 94 |
| 4 | Nhà ở xã hội Tây Phan Huy Chú | Phường Đồng Phú-Đồng Hới (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu nhà ở thương mại phía Tây đường Phan Huy Chú, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới) | 178 | 0,8 | 92 |
| 5 | Nhà ở xã hội ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi | Phường Đức Ninh Đông-Đồng Hới (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới) | 489 | 2,2 | 254 |
| 6 | Nhà ở xã hội Bảo Ninh 4 | Xã Bảo Ninh – Đồng Hới (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu đô thị Bảo Ninh 4, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới) | 702 | 3,2 | 365 |
| 7 | Nhà ở xã hội Bảo Ninh 6 | Xã Bảo Ninh – Đồng Hới (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu đô thị Bảo Ninh 6, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới) | 420 | 1,9 | 218 |
| 8 | Nhà ở xã hội Bảo Ninh 8 | Xã Bảo Ninh – Đồng Hới (sử dụng quỹ đất 20% tại dự án Khu đô thị Bảo Ninh 8, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới) | 315 | 1,4 | 164 |

| | | | | | |
|----|---|---|-----|-----|-----|
| 9 | Nhà ở xã hội Đồng Phú 1 | Khu đất giáp ranh giữa P. Đồng Phú và P. Bắc Lý | 295 | 4,1 | 153 |
| 10 | Khu nhà ở xã hội Khu Công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới | Khu đất (OXH1) tại QH phân khu điều chỉnh Khu vực phía tây nam đường Quốc lộ 1A (đoạn từ đường F325 đến đường Trương Phúc Phần) | 181 | 2,5 | 94 |
| 11 | Khu nhà ở xã hội Bảo Ninh 3 | Sử dụng Quỹ đất 20% tại Khu đô thị Bảo Ninh 3 | 369 | 1,7 | 192 |
| 12 | Khu nhà ở xã hội HADALAND | Sử dụng Quỹ đất 20% tại Khu đô thị HADALAND Bảo Ninh Green City | 433 | 2,0 | 225 |
| 13 | Khu nhà ở xã hội trung tâm phía Đông đường Phùng Hưng | Sử dụng Quỹ đất 20% tại Khu nhà ở thương mại trung tâm phía Đông đường Phùng Hưng | 155 | 0,7 | 81 |
| 14 | Khu nhà ở xã hội phía sau chợ Đức Ninh | Sử dụng Quỹ đất 20% tại Khu nhà ở thương mại phía sau chợ Đức Ninh, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới | 149 | 0,7 | 78 |
| 15 | Khu nhà ở xã hội phía Nam Phú Hải | Sử dụng Quỹ đất 20% tại Khu đô thị phía Nam Phú Hải | 149 | 0,7 | 78 |
| 16 | Khu nhà ở xã hội Tây Bắc đường 27m Đức Ninh Đông | Sử dụng Quỹ đất 20% tại Khu đô thị phía Tây Bắc đường 27m, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới | 124 | 0,6 | 65 |
| 17 | Khu nhà ở xã hội Tây Lý Nam Đế | Sử dụng Quỹ đất 20% tại Khu nhà ở thương mại phía Tây đường Lý Nam Đế | 149 | 0,7 | 77 |
| 18 | Khu nhà ở xã hội Bảo Ninh – Hà Trung | Sử dụng Quỹ đất 20% Khu đô thị Bảo Ninh – Hà Trung | 280 | 1,3 | 145 |
| 19 | Nhà ở xã hội Đông Bắc đường Lý Thường Kiệt | Sử dụng Quỹ đất 20% tại Khu đô thị phía Đông Bắc đường Lý Thường Kiệt – phường Đồng Phú | 140 | 0,6 | 73 |
| 20 | Khu nhà ở xã hội Lộc Ninh 2 | Sử dụng Quỹ đất 20% tại Khu đô thị Lộc Ninh | 133 | 0,6 | 69 |
| 21 | Khu nhà ở xã hội Quang Phú | Sử dụng Quỹ đất 20% tại Khu nhà ở thương mại Quang Phú | 249 | 1,1 | 129 |
| 22 | Khu nhà ở xã hội Bắc thành phố Đồng Hới | Sử dụng Quỹ đất 20% tại Khu đô thị mới phía Bắc thành phố Đồng Hới | 273 | 1,2 | 142 |
| 23 | Khu nhà ở xã hội Phương Bắc | Sử dụng Quỹ đất 20% tại Khu đô thị Phương Bắc | 275 | 1,2 | 143 |
| 24 | Khu nhà ở xã hội Bảo Ninh – Cửa Phú | Sử dụng Quỹ đất 20% tại Dự án Khu đô thị Bảo Ninh – Cửa Phú | 289 | 1,3 | 150 |

| | | | | | |
|-------------|---|---|------------|----------|------------|
| 25 | Khu nhà ở xã hội Đức Ninh Đông | Khu đất thuộc QH phân khu Khu vực phát triển đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi, TP. Đồng Hới (Quyết định số 1774/QĐ-UBND ngày 24/5/2019) | 295 | 8,5 | 153 |
| II | Tuyên Hóa | | 150 | 4 | 78 |
| 26 | Khu Nhà ở xã hội tại xã Tiên Hóa, huyện Tuyên Hóa | Xã Tiên Hóa, Tuyên Hóa | 50 | 2,5 | 26 |
| 27 | Quy hoạch mới, bố trí khu vực phát triển nhà ở xã hội | Tại thị trấn Đồng Lê | 100 | 1,0 | 52 |
| III | Quảng Trạch | | 950 | 6 | 494 |
| 28 | Quy hoạch nhà ở xã hội tại xã Quảng Phương | Xã Quảng Phương | 483 | 3,1 | 251 |
| 29 | Quy hoạch nhà ở xã hội tại xã Quảng Phú | Xã Quảng Phú | 466 | 3,0 | 242 |
| IV | Bồ Trạch | | 700 | 5 | 364 |
| 30 | Nhà ở xã hội khu vực phía Bắc huyện Bồ Trạch | Xã Thanh Trạch | 155 | 1,0 | 81 |
| 31 | Nhà ở xã hội khu vực Trung tâm huyện Bồ Trạch | Xã Trung Trạch | 155 | 1,0 | 81 |
| 32 | Nhà ở xã hội khu vực phía Tây Nam huyện Bồ Trạch | Thị trấn Nông trường Việt Trung | 233 | 1,5 | 121 |
| 33 | Nhà ở xã hội khu vực phía Tây huyện Bồ Trạch | Thị trấn Phong Nha | 155 | 1,0 | 81 |
| V | Ba Đồn | | 900 | 9 | 468 |
| 34 | Quy hoạch mới, bố trí khu vực phát triển nhà ở xã hội | Tại thị xã Ba Đồn | 900 | 9,0 | 468 |
| VI | Quảng Ninh | | 360 | 5 | 187 |
| 35 | Khu nhà ở xã hội Nam Đồng Hới 2 | Khu đất tại QH phân khu phía Nam Đồng Hới (OOXH2) | 360 | 5,0 | 187 |
| VII | Minh Hóa | | 100 | 1 | 52 |
| 36 | Quy hoạch mới, bố trí khu vực phát triển nhà ở xã hội | Tại thị trấn Quy Đạt | 100 | 1,0 | 52 |
| VIII | Lệ Thủy | | 400 | 1 | 208 |
| 37 | Quy hoạch mới, bố trí khu vực phát triển nhà ở xã hội | Tại thị trấn Kiến Giang | 400 | 1,0 | 208 |

| IX | Các Khu Công nghiệp | 3.491 | 36 | 1.815 | |
|----|--|-------------------------------|-------|-------|-----|
| 38 | Khu nhà ở xã hội Khu công nghiệp Tây Bắc Quán Hàu (giai đoạn 1) | Xã Vĩnh Ninh huyện Quảng Ninh | 1.662 | 10,0 | 864 |
| 39 | Khu nhà ở xã hội Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới (giai đoạn 2) | Phường Bắc lý, TP Đồng Hới | 1.829 | 25,9 | 951 |

Ghi chú: Tại Phụ lục 02: có 6 vị trí cần quy hoạch mới (các vị trí nêu tại số thứ tự: 27, 28, 29, 34, 36, 37); 36 dự án còn lại đã có quy hoạch bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội.